

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (1973-1975)

TS NGUYỄN VĂN ĐỨC

Học viện Chính trị khu vực I

Ngày nhận:

11-2-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

20-4-2025

Ngày duyệt đăng:

5-5-2025

Tóm tắt: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Thắng lợi này là thành quả tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó có sự lãnh đạo sáng suốt, nhạy bén của Đảng về nắm bắt thời cơ chiến lược. Bài viết nêu bật sự sáng tạo của Đảng, bám sát tình hình quốc tế và trong nước để đề ra chủ trương sát hợp, chớp thời cơ đẩy mạnh chiến tranh cách mạng giành thắng lợi quyết định.

Từ khóa:

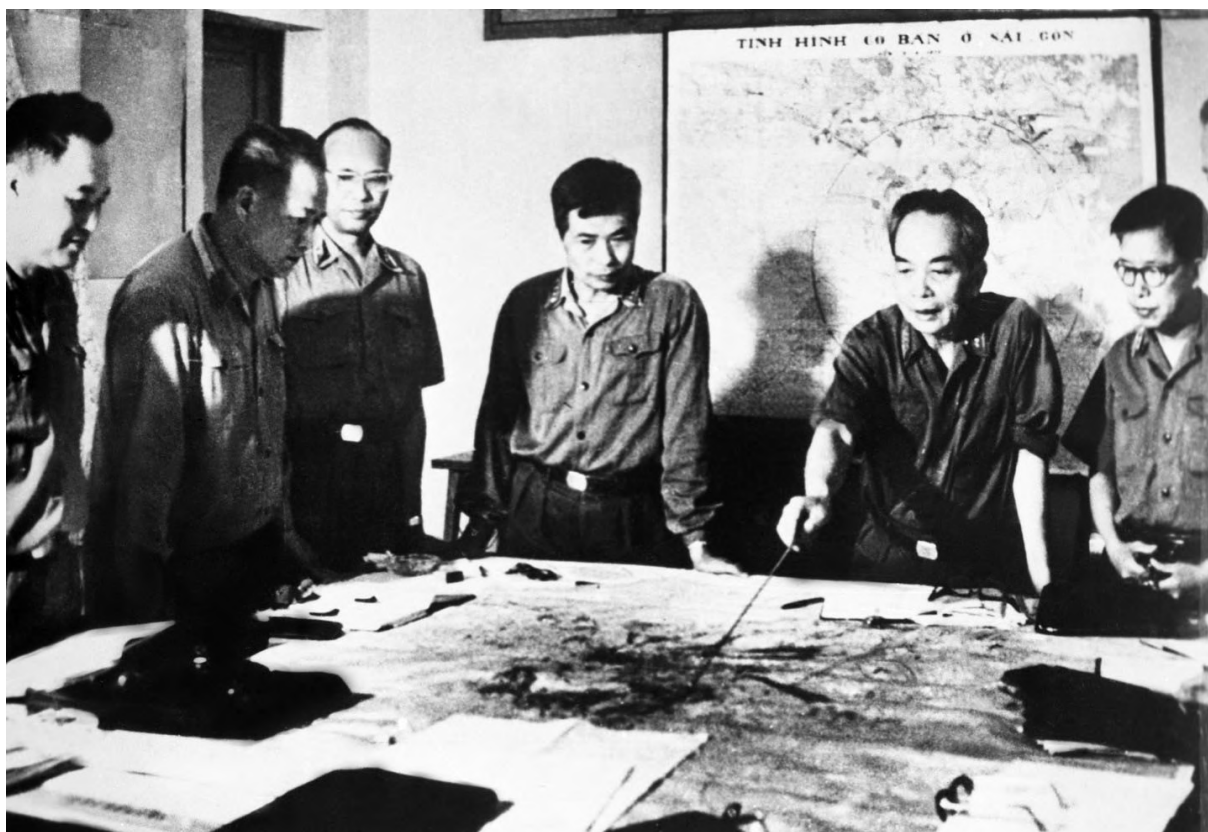
Đảng Cộng sản Việt Nam;
lãnh đạo giải phóng miền
Nam; 1973-1975

1. Tình hình miền Nam sau Hiệp định Paris

Sau khi Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết (27-1-1973), Mỹ vẫn tiếp tục chi viện cho Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, nguồn viện trợ bị cắt giảm, tài khóa 1972-1973, Mỹ viện trợ cho miền Nam Việt Nam 1.614 triệu USD; tài khóa 1973-1974 là 1.026 triệu USD, đến tài khóa 1974-1975, số viện trợ xuống còn 701 triệu USD¹. Bên cạnh đó, lực lượng quân sự của Mỹ ở miền Nam còn giảm sút mạnh do quân đội viễn chinh Mỹ rút về nước, thế và lực của chính quyền Sài Gòn ngày càng suy yếu. Năm 1973, bộ binh địch giảm 43%, pháo binh giảm 34%, thiết giáp giảm 52%, không quân giảm 67%. Hơn nữa, do gặp khó khăn về nhiên liệu nên sức cơ động của quân đội Sài Gòn giảm đi 50% so với năm 1969. Hàng nghìn máy bay

không hoạt động được vì thiếu nhiên liệu và phụ tùng thay thế. Việc Mỹ cắt giảm viện trợ kinh tế và quân sự cho chính quyền Sài Gòn khiến sức chiến đấu của quân đội Sài Gòn không những giảm mà còn đẩy tình hình kinh tế, xã hội của chế độ Sài Gòn càng lâm vào tình trạng khó khăn².

Cùng với những khó khăn do tác động từ nước Mỹ, chính quyền Sài Gòn còn vấp phải sự chống đối quyết liệt từ nhiều phía, nhiều lực lượng mà trước hết là những lực lượng ngay trong nội bộ chính quyền Sài Gòn. Phong trào đấu tranh chính trị ở các thành thị miền Nam phát triển mạnh mẽ: Các cuộc đấu tranh của công nhân, lao động ở khắp các thành thị miền Nam đòi cải thiện đời sống, chống lệnh giới nghiêm, chống sa thải, đòi tự do dân chủ, tự do nghiệp đoàn; phong trào đấu tranh chống chính sách độc tài, hiếu chiến của



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí lãnh đạo Quân ủy Trung ương theo dõi diễn biến Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975
(Ảnh: TTXVN)

chính quyền Sài Gòn, đòi thi hành hiệp định Paris, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình, đòi thả tù chính trị, đòi công ăn việc làm, cứu đói ngày càng lan rộng; nội bộ giới cầm quyền ở miền Nam mâu thuẫn gay gắt, tìm cách loại bỏ lẫn nhau...

Trên mặt trận quân sự, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại hiệp định Paris và thực hiện chính sách 5 không: không liên hiệp; không thương lượng với đối phương; không để xảy ra hoạt động của cộng sản trong vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát; không để lọt vào tay đối phương bất cứ đất đai, tiền đồn nào do quân đội Sài Gòn chiếm giữ, không có hòa bình với cộng sản. Chúng còn huy động hầu hết lực lượng, tiến hành chiến dịch “ngập tràn lãnh thổ”, liên tiếp mở những cuộc hành quân lấn chiếm các vùng do

Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam kiểm soát. Từ tháng 2-1973 đến giữa năm 1974, quân đội Việt Nam Cộng hòa tổ chức 34.266 cuộc tiến công và 216.000 cuộc hành quân. Chúng tiến hành bao vây kinh tế, đẩy mạnh hoạt động gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý. Mục đích của chính quyền Sài Gòn là chiếm đất, giành dân, xóa bỏ hình thái “đa báo”, mở rộng và củng cố vùng kiểm soát, thu hẹp và đi tới xóa bỏ vùng giải phóng. Ngoài ra, chúng còn ráo riết “bình định”, “thanh lọc”, đồn quân, bắt lính, cướp bóc nhân dân, giết hại những người yêu nước, bắt bớ, tù đày những người chống đối. Thực chất, đây là hành động tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh, chống các lực lượng cách mạng và nhân dân ta ở Việt Nam³.

Về phía ta, ngay sau khi Hiệp định Pari được ký kết, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra lời kêu gọi đồng bào ta trên cả hai miền cần phải: “Tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hòa bình lâu dài, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc”⁴. Uy tín và vị thế của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Năm 1973, Cùng với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã đẩy mạnh cuộc tiến công ngoại giao nhằm lên án những hành động phá hoại Hiệp định Paris của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân được thể hiện ở sự công nhận Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Cho đến tháng 6- 1973, đó có 34 nước đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Sau Hiệp định Paris, mặc dù tương quan lực lượng giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta, nhưng ở một số nơi do nhận thức không đầy đủ về phương hướng phát triển của cách mạng nên đã để mất thế chủ động trên chiến trường. Trong khi Mỹ và chính quyền Sài Gòn rắp tâm phá hoại Hiệp định thì một số cán bộ lãnh đạo của ta ở các chiến trường có phần ảo tưởng, chờ đợi, thụ động, thậm chí có những cán bộ lãnh đạo cấp cao đi giải thích Nghị quyết Trung ương đã nêu chủ trương phân tuyến, phân vùng... Một số đơn vị, địa phương có biểu hiện lừng chừng, hữu khuynh trong chủ trương đối phó với địch. Ở khu V, một

số địa phương cũng hạ thấp mức hoạt động vũ trang, giữ thế ổn định một chiều hoặc chống đỡ bị động, địch đánh nơi nào thì nơi đó đối phó⁵. Do những sai lầm, khuyết điểm của ta trong những tháng đầu năm 1973, địch đã lần chiếm lại nhiều vùng ta mới giải phóng trong năm 1972.

2. Chủ trương của Đảng về giải phóng miền Nam

Trước những hành động phá hoại Hiệp định một cách có hệ thống của chính quyền và quân đội Sài Gòn, tháng 5-1973, Bộ Chính trị BCHTƯ Đảng đã họp bàn về cách mạng miền Nam. Hội nghị đã nghiêm túc kiểm điểm lại những sai lầm, thiếu sót trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng miền Nam những tháng đầu năm 1973 và chỉ rõ nguyên nhân chính “do ta có khuyết điểm chứ không phải do địch mạnh, do lúc đầu ta không đánh giá hết âm mưu của địch và khả năng của chúng thực hiện âm mưu ấy. Chúng ta đã không có chủ trương kịp thời, nhất quán từ đầu về vị trí, nội dung của tiến công quân sự. Địch cứ tiến công, lấn chiếm, mà ta thì ngồi im, có nơi còn rút lui. Nếu cứ tiếp tục như vậy thì tình hình sẽ rất bất lợi”⁶. Hội nghị chủ trương: “Trong khi địch dùng hành động quân sự đánh ta, ta vẫn cần phải chủ động tiến công địch, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và pháp lý... Tiến công quân sự bằng phản công của ta là chủ động, chỉ có qua đó mà từng bước đánh bại mọi hành động vi phạm của địch”⁷.

Tiếp đó, HNTƯ 21 khóa III đã họp (đợt 1 từ ngày 19-6 đến ngày 6-7 và đợt 2 từ ngày 1-10 đến ngày 4-10-1973) ra Nghị quyết “*Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới*”. Trung ương Đảng cho rằng, cách mạng miền Nam có thể phát triển theo hai khả năng: Một là, ta có thể từng bước buộc địch phải thi hành Hiệp định Paris. Hai là, quân và dân ta lại tiến hành chiến tranh cách mạng để đánh bại địch, giành thắng lợi

hoàn toàn. Chủ trương của ta là hết sức tranh thủ khả năng thứ nhất và chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng thứ hai. Song, Hội nghị nhấn mạnh, trong bất kỳ tình huống nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng; phương châm chiến lược của cách mạng miền Nam vẫn là chiến lược tiến công. Nghị quyết Hội nghị khẳng định: “*Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên*”⁸.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là: “hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tập trung mũi nhọn vào đế quốc Mỹ và tập đoàn thống trị tư sản mại bản, quan liêu, quân phiệt, phát xít, tay sai đặc lực của đế quốc Mỹ, đang thống trị trong vùng địch kiểm soát; đẩy lùi và thắng địch từng bước; đi đến xóa bỏ chính quyền tay sai của Mỹ, xóa bỏ chế độ thực dân mới, thiết lập một chính quyền dân tộc dân chủ thật sự, thực hiện hòa hợp dân tộc, thoát ly hẳn sự lệ thuộc vào Mỹ, *thực hiện một miền Nam Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà*”⁹.

Sau khi NQTƯ 21 ra đời, tình hình cách mạng miền Nam chuyển biến tích cực. Quân và dân ta vừa đánh địch vừa tích cực và chủ động tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ, chuẩn bị giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ngày 15-10-1973, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam đã ra lệnh cho quân và dân miền Nam kiên quyết đánh trả những hành động chiến tranh của kẻ thù. Chủ động tấn công làm thất bại những cuộc hành quân “bình định”, “lấn chiếm” của Việt Nam Cộng hòa. Đến cuối năm 1973, quân và dân ta đã bảo vệ được những vùng giải phóng, lấy lại được nhiều địa bàn do địch chiếm đóng và mở rộng thêm được vùng giải phóng cũng như hành lang chiến lược.

Cùng với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam còn tích cực đẩy mạnh đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao nhằm yêu cầu chính quyền Sài Gòn thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Paris.

Thắng lợi của những cuộc phản công và tiến công quân sự giành quyền làm chủ trong những tháng cuối năm 1973 không những làm thất bại một bước nghiêm trọng âm mưu của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, mà còn tạo điều kiện và đặt nền tảng cho bước ngoặt của cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng hoàn toàn miền Nam. Từ đầu năm 1974, lực lượng vũ trang giải phóng chuyển mạnh sang thế chủ động tiến công chiến lược, đánh nhiều trận tiêu diệt chủ lực quân đội Sài Gòn, đập tan hầu hết các cuộc hành quân lấn chiếm của chúng, mở rộng vùng giải phóng.

Từ giữa năm 1974, cục diện trên toàn chiến trường miền Nam đã thay đổi, quân và dân ta giải phóng và giữ vững được một vùng rộng lớn; quân đội và chính quyền Sài Gòn buộc phải chấp nhận một thực tế là không còn khả năng lấy lại những căn cứ, chi khu quân sự và các địa bàn đã mất, buộc địch phải lui về phòng ngự, chỉ tổ chức được những cuộc hành quân lúng lúng nhỏ. Cục diện mới này chứng tỏ rằng quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch. Chính quyền Sài Gòn đứng trước cuộc khủng hoảng toàn diện.

Trong khi quân đội và chính quyền Sài Gòn suy yếu và khủng hoảng trầm trọng về mọi mặt thì phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân miền Nam càng phát triển mạnh mẽ. Từ trong cao trào đấu tranh chính trị ở các thành thị miền Nam, nhiều tổ chức chống chính quyền Sài Gòn đã ra đời: “*Phong trào nhân dân chống tham nhũng*”, “*Lực lượng hòa giải dân tộc*”, “*Ủy ban đấu tranh đòi tự do báo chí và xuất bản*”, “*Mặt trận nhân dân cứu đói*”, “*Ủy ban bảo vệ quyền lợi lao động*”, “*Ủy ban vận động đòi tự do nghiệp đoàn*”...

Sự phát triển nhanh chóng của các lực lượng yêu nước, cách mạng và sự suy yếu nhanh chóng của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ở miền Nam Việt Nam làm cho tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, tiền đề của việc giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi.

Ngày 21-7-1974, tại thị xã Đồ Sơn (Hải Phòng), đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Thứ nhất BCH TƯ Đảng họp với một số thành viên trong Thường trực Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tham mưu để chuẩn bị cho Hội nghị Bộ Chính trị về nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước trong hai năm 1975-1976. Tiếp đó, ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974, Bộ Chính trị đã họp bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Sau khi phân tích tình hình, tương quan lực lượng, đánh giá thời cơ chiến lược, Hội nghị Bộ Chính trị khẳng định: Lúc này, thời cơ chiến lược đã đến. “Đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ, đồng thời giúp Lào và Campuchia hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngoài thời cơ này không có thời cơ nào khác”¹⁰. Hội nghị Bộ Chính trị nhất trí phê duyệt kế hoạch chiến lược cơ bản do Bộ Tổng tham mưu dự thảo. Hội nghị nhấn mạnh yêu cầu phải có kế hoạch tạo thời cơ và đón thời cơ, nhất là khi Nguyễn Văn Thiệu đổ. Trong bất kỳ tình huống nào cũng không được để lỡ thời cơ khi thời cơ chiến lược xuất hiện. “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”¹¹. Kết luận Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: “Quyết tâm của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy, đánh chiếm Sài Gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng như

tất cả các thành thị khác, đánh đổ nguy quyền ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà”¹².

Từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-1-1975, Hội nghị Bộ Chính trị (mở rộng) nhằm thảo luận và quyết định lần cuối kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trong thời gian đang họp, Bộ Chính trị nhận được nhiều tin chiến thắng dồn dập, báo hiệu những khả năng mới. Ngày 26-12-1974, quân ta tiến công làm chủ hoàn toàn chi khu quân sự Đồng Xoài. Ngày 6-1-1975, sau 26 ngày đêm chiến đấu liên tục, chiến dịch Đường 14 - Phước Long kết thúc thắng lợi, toàn bộ thị xã Phước Long được giải phóng. Chiến thắng Phước Long củng cố thêm quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam. Hội nghị Bộ Chính trị (đợt 2) ra nghị quyết: “Nắm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc”¹³.

Hội nghị Bộ Chính trị cuối năm 1974 và đầu năm 1975 có ý nghĩa lịch sử. Hội nghị đã phân tích, đánh giá chính xác sự phát triển của tình hình, đề ra phương hướng hành động đúng đắn, thể hiện quyết tâm chiến lược cao giải phóng hoàn toàn miền Nam khi thời cơ đến.

3. Đảng chỉ đạo giải phóng miền Nam (1973-1975)

Trên cơ sở chủ trương của Đảng, sự chuẩn bị đầy đủ về thế và lực, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy bắt đầu từ ngày 4-3-1975 khi quân ta tấn công Pleiycu tạo thế nghi binh để thực hiện chiến dịch Tây Nguyên. Ngày 10-3-1975, lực lượng vũ trang

của ta đồng loạt tấn công Buôn Ma Thuột mở đầu chiến dịch Tây Nguyên, đến 11 giờ ngày 11-3-1975, quân ta giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột. Trong ngày 11-3-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã nghe Bộ Tổng tham mưu báo cáo diễn biến ở chiến trường Tây Nguyên và chiến thắng Buôn Ma Thuột. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cho rằng, ta có khả năng giành thắng lợi to lớn với nhịp độ nhanh hơn dự kiến. Ngày 16-3, các đơn vị chủ lực quân đội Sài Gòn còn lại ở Plâyku và Kon Tum rút về đồng bằng ven biển theo đường số 7. Mệnh lệnh truy kích địch rút chạy được phát ra lúc 19 giờ. Cuộc truy kích địch diễn ra 8 ngày đêm, từ ngày 17 đến ngày 24-3 đã thắng lợi. Ngày 25-3-1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.

Ngày 21-3, mở màn chiến dịch giải phóng Huế; thành phố Huế được giải phóng 11 giờ 30 phút ngày 25-3-1975. Ngày 27-3-1975, Bộ Chính trị điện gửi đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Chu Huy Mân về kế hoạch giải phóng Đà Nẵng, nêu rõ trong lúc này thời gian là lực lượng, phải hành động hết sức táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp trở tay. Cuộc tiến công giải phóng Đà Nẵng bắt đầu 5 giờ 30 phút ngày 28-3 đến 11 giờ ngày 29-3, Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng. Từ chiến thắng đó, quân và dân ta đẩy mạnh tiến công giải phóng các tỉnh ven biển miền Trung.

16 giờ 30 phút ngày 29-3-1975, Bộ Chính trị điện gửi đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, về chia cắt và bao vây chiến lược phía Tây Sài Gòn, cần phải hành động kịp thời, kiên quyết và táo bạo. “Trên thực tế, có thể coi chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu từ đây”¹⁴. Chú trọng bao vây chiến lược phía Tây Sài Gòn, ở vùng Mỹ Tho, Tân An. Ngày 31-3, lúc 11 giờ, Bộ Chính trị điện gửi các đồng chí lãnh đạo có mặt ở chiến trường miền Nam về chuẩn bị gấp kế hoạch đánh chiếm Sài Gòn.

Ngày 1-4-1975, Bộ Chính trị gửi điện cho lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam về xúc tiến gấp kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy ở Sài Gòn-Gia Định, lập Ban Chỉ huy và Đảng ủy Mặt trận Sài Gòn. Bức điện nêu rõ: “Chúng ta đã tiêu diệt và làm tan rã hơn 35% sinh lực địch, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hai quân đoàn địch, tiêu diệt khoảng 40% các binh chủng kỹ thuật hiện đại, thu và phá hơn 40% cơ sở vật chất hậu cần, giải phóng 12 tỉnh, đưa tổng số dân vùng giải phóng lên gần 8 triệu”¹⁵. Ta đã có sức mạnh áp đảo, địch đang đứng trước nguy cơ sụp đổ và diệt vong. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu; cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ “một ngày bằng hai mươi năm”. Do vậy, Bộ Chính trị quyết định: Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”¹⁶. Như vậy, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã quyết định giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

Với quyết sách chiến lược của Bộ Chính trị, ngày 7-4-1975, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân ủy Trung ương, đã ra mệnh lệnh: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xóc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng”. Ngày 9-4-1975, Bộ Chính trị điện gửi các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam và các đồng chí lãnh đạo đang ở chiến trường về kế hoạch tiến công Sài Gòn với tinh thần chuẩn bị tốt nhất trên tất cả các hướng bảo đảm toàn thắng. Từ chiến thắng trên các chiến trường, Bộ Chính trị đã họp ngày 14-4-1975 để nghe Quân ủy Trung ương báo cáo về tình hình Mặt trận Sài Gòn và

các phương hướng, chủ trương đề ra. Bộ Chính trị nhất trí với phương hướng, chủ trương ấy. Bộ Chính trị đồng ý Chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”¹⁷.

Cùng với thất bại về quân sự, nội bộ chính quyền Sài Gòn bất ổn. Ngày 21-4-1975, Tổng thống chính quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu đã phải từ chức. Ngày 22-4, điện của Bộ Chính trị nhấn mạnh việc nắm vững thời cơ, kịp thời phát động tổng tiến công và nổi dậy của quân chúng Sài Gòn-Gia Định. Bộ Chính trị nêu rõ: “Thời cơ để mở cuộc tổng tiến công về quân sự và chính trị vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày để kịp thời phát động tiến công. Hành động trong lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn. Nếu để chậm sẽ không có lợi cả về quân sự và chính trị... Nắm vững thời cơ lớn, chúng ta nhất định giành toàn thắng”¹⁸. Chiến dịch Hồ Chí Minh chính thức bắt đầu ngày 26-4-1975 và thắng lợi hoàn toàn lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, thành phố Sài Gòn được giải phóng, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 toàn thắng. Ngày 30-4, Bộ Chính trị gửi điện: “Nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn-Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, thuộc các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc ngụy quyền Sài Gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài Gòn-Gia Định, đưa chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng”¹⁹

Phát huy tinh thần thắng lợi cách mạng, trong 2 ngày 30-4 và ngày 1-5-1975, quân và dân các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long đồng loạt tiến công và nổi dậy giành toàn thắng, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước.

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là đỉnh cao của nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thể hiện rõ nét sự lãnh đạo tài tình, sáng tạo cũng như quyết đoán của Đảng. Đảng đã kịp thời nắm bắt thời cơ và đề ra chiến lược cách mạng đúng đắn. Thực hiện tiến công linh hoạt, đánh đúng vào huyết yếu của địch. Kết hợp giữa tiến công quân sự và nổi dậy của nhân dân hỗ trợ lực lượng chủ lực đánh chiếm những vị trí trọng yếu. Đảng cũng chủ trương “đánh nhanh thắng nhanh”, sử dụng binh lực hợp lý không cho địch cơ hội phản công và Mỹ can thiệp trở lại. Tinh thần tiến công “thần tốc, táo bạo, bất ngờ” không cho quân địch kịp trở tay. Đó là sự kết tinh của tư duy chiến lược cách mạng sắc bén, nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch linh hoạt của Đảng và sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng. Đây cũng là bài học quý giá về nghệ thuật quân sự trong chiến tranh hiện đại ngày nay.

1, 5. Xem: Nguyễn Văn Nhật (chủ biên): *Lịch sử Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975*, Nxb Khoa học xã hội, H, 2017, T. 13, tr. 459, 461

2. Xem: Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, Nxb CTQG-ST, H, 2013, T. 8, tr. 28

3. Trịnh Thị Hồng Hạnh: “Nghệ thuật tạo thời cơ và chớp thời cơ trong giai đoạn cuối chiến tranh cách mạng (1973-1975)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 4-2000, tr. 21-22

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 34, tr. 13

6, 7, 11. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb CTQG ST, H, 2021, tr. 65, 65, 135

8, 9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 34, tr. 232, 232

10, 12. *Sđd*, T. 35, tr. 179, 185

13, 14, 15, 16, 17, 18, 19. *Sđd*, T. 36, tr. 6, 91, 94-95, 95-96, 109, 167, 177-178.